

Số: /BC-UBND

Yên Minh, ngày tháng 6 năm 2026

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn xã Yên Minh

Thực hiện Văn bản số 3543/SNNMT-QLĐĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị phối hợp báo cáo thực hiện kế hoạch số 08/KH-ĐBQH ngày 29/5/2026 của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân xã Yên Minh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### I. KHÁI QUÁT CHUNG

Từ khi Luật đất đai 2024 có hiệu lực thi hành. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức tuyên truyền Luật Đất đai năm 2024, trong đó nhấn mạnh Điều 16, Điều 118 Luật Đất đai; chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024, về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Triển khai Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến các thôn, gửi các tài liệu liên quan cho trưởng 33 thôn trên địa bàn tại các buổi họp giao ban, họp triển khai các kế hoạch về giảm nghèo, kế hoạch phát triển sản xuất để các thôn họp dân thông báo triển khai một số nội dung liên quan đến đất đai cho đồng bào DTTS.

Sau khi thực hiện nhiệm vụ mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2024 bằng nhiều hình thức. Đồng thời gửi thông tin thuế xác định nghĩa vụ tài chính khi các hộ gia đình thực hiện các chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

#### II. THỰC TRẠNG ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

##### 1. Hiện trạng sử dụng đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã

Xã Yên Minh có diện tích tự nhiên 154,70 km<sup>2</sup>, dân số trên 27.252 người với 5.482 hộ, gồm 16 dân tộc cùng sinh sống đan xen. Xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 là 26,03% với 1.427 hộ, hộ cận nghèo là 12,99% với 712 hộ; có 65/83 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn. Hiện trạng các

hộ đều sử dụng đất ở, đất sản xuất do gia đình tự khai phá, nhận thừa kế từ bố mẹ, ông bà để lại, sử dụng ổn định từ trước và một phần đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

## **2. Kết quả rà soát nhu cầu đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số**

Qua rà soát nhu cầu đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Yên Minh cho thấy, hầu hết các hộ gia đình đều có nhà ở, đất ở, đất sản xuất tuy nhiên các hộ gia đình mới tách hộ nhu cầu đất ở còn thiếu.

Số hộ thiếu đất ở 0 hộ.

- Số hộ thiếu đất sản xuất 0 hộ.

- Diện tích đất sản xuất còn thiếu 0 m<sup>2</sup>.

## **3. Đánh giá xu hướng biến động nhu cầu đất ở, đất sản xuất trong thời gian gần đây**

Về đất ở: Xu hướng tách hộ tự nhiên do gia tăng dân số cơ học tại 83 thôn là rất lớn (đặc biệt là các hộ gia đình trẻ đồng bào DTTS). Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở trong khuôn viên đất hộ gia đình đang quản lý tăng cao.

Về đất sản xuất: Áp lực về sinh kế gia tăng do diện tích đất khai phá cũ đã bạc màu, năng suất giảm. Xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đòi hỏi quy mô đất tập trung lớn hơn. Đồng thời, một bộ phận lao động trẻ sau thời gian làm việc tại các khu công nghiệp có xu hướng quay trở về quê hương lập nghiệp, tạo ra áp lực nhu cầu đất sản xuất nông - lâm nghiệp.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

### **1. Kết quả giao đất ở**

Ủy ban nhân dân xã đã chủ động rà soát quy hoạch sử dụng đất, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia (đặc biệt là Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi). Đến nay UBND xã chưa thực hiện giao đất ở cho các hộ gia đình, do các hộ đều đã có đất ở, thừa kế từ cha ông để lại.

### **2. Kết quả giao đất sản xuất**

Trên thực tế từ khi chính quyền địa phương hai cấp được thành lập việc sử dụng đất nông nghiệp của người dân chủ yếu là thừa kế lại, UBND xã không có quỹ đất nông nghiệp để thực hiện giao đất cho các hộ gia đình.

### **3. Kết quả cho thuê đất**

Trên địa bàn xã không thực hiện việc cho thuê đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

### **4. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất**

UBND xã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ DTTS chuyển mục đích sử dụng đất trong hạn mức từ đất vườn, ao gắn liền với nhà ở sang đất ở. Việc áp dụng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP đã giảm bớt gánh nặng tài chính đáng kể cho người dân, thúc đẩy họ chủ động đăng ký biến động đất đai. Kết quả từ sau sáp nhập trên địa bàn xã đã hướng dẫn cho 13 hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích và đã ban hành Quyết định chuyển mục đích cho 13 hộ này. UBND xã tiếp tục hướng dẫn cho các gia đình khi có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở.

## **5. Kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Qua kiểm tra, rà soát thực hiện kế hoạch 90 ngày đêm, Chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong năm 2025 và tiếp tục triển khai Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 04/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Số hộ đã được cấp trên địa bàn xã khoảng 1100 hộ gia đình.

Số hộ chưa được cấp giấy còn khoảng 6500 hộ.

Nguyên nhân chưa được cấp: Chủ yếu do người dân tự khai hoang trên đất có nguồn gốc là đất lâm nghiệp trước đây; hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ sáp nhập xã bị thất lạc hoặc không đồng bộ; người dân chưa chủ động đăng ký do ngại thủ tục pháp lý. Một số hộ gia đình tách hộ chưa thực hiện các thủ tục hành chính tách thửa nhận thừa kế, tặng cho từ bố mẹ.

Vướng mắc chủ yếu hiện nay là ranh giới đất thực tế của người dân đang canh tác chồng lấn lên quy hoạch 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất) và bản đồ địa chính chính quy cấp đất lâm nghiệp từ những năm 2008 hiện nay ranh giới đã thay đổi. Sau khi đo đạc địa chính cho thấy số diện tích đất lâm nghiệp đã được cấp giấy trồng lấn lên phần diện tích đo địa chính chủ yếu là các loại đất hàng năm khác và đất rừng.

## **6. Kết quả thực hiện các chính sách đất đai khác có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Đất đai năm 2024**

UBND xã triển khai đồng bộ chính sách hỗ trợ tài chính, cho vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các hộ DTTS đã được giao đất để họ có nguồn lực mua vật tư, cây con giống phát triển sản xuất, các mô hình kinh tế hộ phát triển sản xuất các cây ăn quả...

## **IV. QUỸ ĐẤT THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

### **1. Quỹ đất do Nhà nước quản lý có thể bố trí thực hiện chính sách**

Qua rà soát hiện nay quỹ đất UBND xã chưa giao chủ yếu là đất chưa sử dụng, trên địa bàn xã không có quỹ đất dự phòng, quỹ đất công ích do UBND xã quản lý có nhưng diện tích đó được trừ ra để thực hiện quy hoạch khu trung tâm xã, không thể giao đất cho người dân theo quy định.

### **2. Quỹ đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường**

Trên địa bàn xã đã rà soát hiện diện tích đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường là không có, chỉ có diện tích đất do thôn quản lý từ trước sáp nhập có nguồn gốc cây trồng là của lâm trường cũ, hoặc của Ban quản lý rừng phòng hộ

Do số diện tích nay hiện nay có các loại cây rừng như sa mộc, thông và do các thôn quản lý chăm sóc bảo vệ nên không thực hiện các chính sách giao cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

### **3. Quỹ đất thu hồi từ các dự án**

Quy đất thu hồi từ các dự án trên địa bàn xã không có.

**4. Quỹ đất do các tổ chức đang quản lý nhưng sử dụng không hiệu quả:**  
Không có.

**5. Đánh giá khả năng bố trí quỹ đất để thực hiện chính sách trong thời gian tới**

Qua rà soát khả năng bố trí quỹ đất tại chỗ để giao là rất khó khăn. Do quỹ đất hiện nay trên địa bàn xã không có.

## **V. ĐẤT RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP VÀ NHỮNG VƯỚNG MẮC LIÊN QUAN**

**1. Tình hình đất rừng, đất lâm nghiệp liên quan đến nhu cầu đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số**

Do xã đặc thù xã miền núi, diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Phần lớn diện tích canh tác nương rẫy lâu đời của người dân nằm xen kẽ hoặc giáp ranh trực tiếp với đất rừng.

**2. Những khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết đất ở, đất sản xuất do liên quan đến quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch rừng**

Nhiều khu vực người dân đã ở và canh tác từ trước năm 2000, nhưng sau đó khi thực hiện các quy hoạch đã quy hoạch thành rừng phòng hộ, rừng đặc dụng dẫn đến việc không thể cấp GCNQSDĐ cho người dân do liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất và không thể đầu tư cơ sở hạ tầng kiên cố theo Luật Đất đai 2024.

### **3. Tình trạng chồng lấn, tranh chấp, chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý.**

Xuất hiện tình trạng chồng lấn ranh giới giữa đất canh tác nông nghiệp của hộ gia đình với đất rừng. Hồ sơ ranh giới 3 loại rừng trên bản đồ và thực địa có sai lệch, chưa được số hóa chính xác.

### **4. Những bất cập giữa quy định hiện hành và thực tiễn địa phương.**

Thực tế các hộ gia đình đã canh tác nông nghiệp từ lâu đời trên phần diện tích đất lâm nghiệp tuy nhiên qua kiểm tra cho thấy một số diện tích người dân canh tác nông nghiệp lại được cấp giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp, một số hộ gia đình còn được cấp giấy chứng nhận QSD đất là đất rừng phòng hộ, mà thực tế diện tích này không có rừng, không có cây. Diện tích thực tế được cấp giấy chứng nhận không đúng với diện tích thực tế, khi muốn thu hồi giấy chứng nhận nhưng người dân không có kinh phí để đo đạc lại theo hiện trạng thửa đất đang sử dụng.

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Nhiều người dân được tiếp cận với chính sách pháp luật đất đai, các quyền và nghĩa vụ được quan tâm, người dân mạnh dạn lên chính quyền để tham vấn về Luật Đất đai khi gia đình thực hiện các quyền của người sử dụng đất; chính sách miễn giảm tiền sử dụng đất bước đầu đi vào cuộc sống; ổn định chính trị, không xảy ra điểm nóng về tranh chấp đất đai quy mô lớn.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận QSD đất trên địa bàn còn thấp, nhất là sau khi đo đạc địa chính, qua rà soát UBND xã còn khoảng hơn 19.903 thửa đất chưa được cấp giấy, cấp đổi lại sau đo đạc địa chính.

Tỷ lệ cấp GCNQSDĐ khu vực đất lâm nghiệp canh tác còn thấp; tiến độ rà soát đất lâm trường còn chậm; cơ sở dữ liệu đất đai cấp xã chưa đầy đủ. Công tác đo đạc địa chính còn chưa thực hiện mặc dù có nhiều biến động không thể chính lý được.

### **3. Nguyên nhân**

Xã Yên Minh có Địa hình chia cắt mạnh; thiếu kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính, kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Cán bộ phòng Kinh tế phụ trách lĩnh vực cấp xã còn phải thực hiện nhiều công việc sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp; công tác phối hợp giữa cơ quan chuyên môn với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai còn nhiều bất cập mặc dù nhiệm vụ chuyên môn gần như giống nhau.

### **4. Địa bàn có nhiều khó khăn, vướng mắc cần quan tâm**

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, xã Yên Minh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 05 đơn vị hành chính gồm: thị trấn Yên Minh, xã Lao Và Chải, xã Hữu Vĩnh, xã Đông Minh thuộc huyện Yên Minh (cũ) và xã Văn Chải thuộc huyện Đồng Văn (cũ). Sau sáp nhập, địa bàn xã có phạm vi rộng, địa hình phức tạp, dân cư phân bố không đồng đều; nhiều thôn cách xa trung tâm xã, giao thông đi lại khó khăn, đời sống Nhân dân còn nhiều hạn chế. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng điện, đường...cần được quan tâm

### **5. Những mô hình, cách làm hiệu quả cần nghiên cứu, nhân rộng**

Lồng ghép giữa các buổi họp thôn và tuyên truyền các hộ gia đình về các chính sách liên quan đến Luật Đất đai.

## **VII. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

### **1. Khó khăn về quỹ đất**

Trên địa bàn xã không có quỹ đất sạch, đất bằng phẳng để quy hoạch khu dân cư tập trung tại xã.

### **2. Khó khăn trong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Công tác đo đạc thửa đất chưa được thực hiện tại 02 xã trước khi sáp nhập là thị trấn Yên Minh và xã Lao Và Chải do vậy không thể kê khai đăng ký, một số nơi đã được đo đạc tuy nhiên đã có nhiều biến động, việc chỉnh lý mất nhiều thời gian và kinh phí tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền chỉnh lý, người dân muốn cấp giấy chứng nhận phải liên hệ các đơn vị đo đạc phát sinh nhiều kinh phí do vậy khó thực hiện. Người dân thiếu giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất qua các thời kỳ; nhu cầu cấp giấy đơn lẻ chỉ có các hộ cần thiết về giấy tờ mới tổ chức thực hiện, các hộ gia đình chủ yếu chờ vào các chính sách của nhà nước (như cấp giấy đồng loạt để không phải mất chi phí nộp hồ sơ trên hệ thống một cửa...).

### **3. Khó khăn liên quan đến đất rừng, đất lâm nghiệp**

Việc cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp năm 2008 bằng phương pháp giải đoán ảnh không đúng với hiện trạng sử dụng đất, trùng chéo lên ranh giới của các hộ gia đình gây phát sinh nhiều tranh chấp.

### **4. Khó khăn về cơ sở dữ liệu đất đai**

Chưa có hệ thống thông tin đất đai điện tử kết nối đồng bộ. Việc tra cứu hồ sơ cũ phải lật tìm thủ công, mất nhiều thời gian.

### **5. Khó khăn trong tổ chức thực hiện tại cấp xã sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp**

Việc tinh giản biên chế và phân định lại thẩm quyền khiến khối lượng hồ sơ hành chính về đất đai dồn về cấp xã tăng đột biến, trong khi năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ xã còn hạn chế.

## **VIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với UBND tỉnh**

Điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng đối với những diện tích đất người dân DTTS đã ở và canh tác ổn định lâu đời, thu lại giấy chứng nhận đã cấp đất rừng không đúng với hiện trạng sử dụng đất (một số vị trí cho thấy cấp giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp đất rừng phòng hộ nhưng thực tế không có rừng mà người dân đã canh tác nông nghiệp từ rất nhiều đời rồi).

Tiếp tục quan tâm thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất đồng loạt, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo đồng bộ.

Đối với kiến nghị cấp kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ đăng ký đất đai đối với các thửa đất đã được đo đạc địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo kế hoạch 174/KH-UBND.

Tiếp tục đo đạc địa chính đối với diện tích đất lâm nghiệp đảm bảo đúng theo hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp như thực tế (hiện nay trên địa bàn xã đã thực hiện đo đạc tổng thể diện tích đất canh tác nông nghiệp xong nhưng chưa thực hiện đo đạc cấp giấy đối với đất rừng).

Đề nghị Sở nông nghiệp và môi trường có hướng dẫn cụ thể cho UBND xã sử dụng chỉ tiêu sử dụng các loại đất khi không có quy hoạch cụ thể rõ ràng nhất

là đối với chỉ tiêu sử dụng đất ở, nhỏ lẻ của các hộ gia đình do tách hộ, các hộ nghèo được xóa nhà tạm...để thực hiện công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

## **2. Đề xuất hoàn thiện các quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành**

Kiến nghị bổ sung hướng dẫn chi tiết, đơn giản hóa tối đa quy trình, thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy nhận quyền sử dụng đất đặc thù cho đồng bào DTTS sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **3. Đề xuất cơ chế giải quyết đất ở, đất sản xuất đối với địa bàn không còn quỹ đất.**

Mở rộng quy hoạch các vùng tập chung dân cư hiện có, có chính sách vận động nhân dân xây dựng nhà gần các trục đường giao thông khuyến khích người dân tự trao đổi đất, một số vị trí đất rừng phòng hộ có vị trí thuận lợi hiện nay do Ban quản lý rừng quản lý sử dụng có thể đưa vào quy hoạch dự kiến giao đất, bán đấu giá quyền sử dụng đất.

## **4. Đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.**

Có các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động tạo nhiều mô hình chăn nuôi phát triển bền vững, khôi phục lại các làng nghề thủ công mỹ nghệ....

Thiếu quỹ đất để bố trí giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ đủ điều kiện theo chính sách.

Nguồn lực đầu tư cho các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách cấp trên phân bổ.

Nhu cầu hỗ trợ nguồn lực, kinh phí để thực hiện các chính sách đất ở, đất sản xuất và sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số vượt khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và đảm bảo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Luật đất đai năm 2024 trên địa bàn xã Yên Minh./.

### ***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Quân**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**THỰC TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT CỦA HỘ ĐỒNG**  
**BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ**

*Đơn vị tính: Hộ*

STT	Thôn/ TDP	Tổng số hộ DTTS	Hộ có đất ở	Hộ thiếu đất ở	Hộ có đất sản xuất	Hộ thiếu đất sản xuất	Diện tích đất sản xuất thiếu (ha)	Hộ thiếu cả đất ở và đất sản xuất	Ghi chú
1	Sùng Khúa A	67			x				
2	Sùng Khúa B	64			x				
3	Chua say	64			x				
4	Séo Lũng	59			x				
5	Tả Lũng B	44			x				
6	Tà Lũng A	34			x				
7	Phìn Chải B	108			x				
8	Phìn Chải A	65			x				
9	Đặng Vai	58			x				
10	Khó Cho	73			x				
11	Vản Chải A	113			x				
12	Vản Chải B	56			x				
13	Khó Chớ	94			x				
14	Sùng Pảo 1	39			x				
15	Sùng Pảo 2	94			x				
16	Ngán Chải	127			x				
17	Chi Sang	109			x				
<b>Tổng</b>									

**Ghi chú:**

- Thiếu đất ở: hộ chưa có đất ở hoặc diện tích đất ở không bảo đảm điều kiện tối thiểu theo quy định.
- Thiếu đất sản xuất: hộ không có hoặc không đủ đất sản xuất phục vụ sinh kế.
- Sử dụng số liệu hiện có của địa phương

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ**  
**DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DTTS**

*Đơn vị tính: Hộ, ha*

STT	Thôn /TDP	Số hộ được giao đất ở	Diện tích	Số hộ được giao đất sản xuất	Diện tích	Số hộ được chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú
1	Xã Yên Minh	0		0		11	
...							

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**ĐỐI VỚI HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

*Đơn vị tính: Hộ*

STT	Thôn /TDP	Tổng số hộ DTTS	Đã được cấp GCNQSDĐ	Chưa được cấp	Trong đó: đất ở	Trong đó: đất sản xuất	Ghi chú
1	Xã Yên Minh	6600	1100	6500	500	1100	
2							
...							
<b>Tổng</b>							

**Nguyên nhân chủ yếu chưa được cấp:**

STT	Nội dung	Số hộ
1	Thiếu hồ sơ	
2	Tranh chấp	
3	Vướng đất rừng	
4	Vướng quy hoạch	
5	Chưa đủ điều kiện	
6	Nguyên nhân khác	

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**QUỸ ĐẤT CÓ THỂ BỔ TRÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Đơn vị tính: ha

STT	Thôn /TDP	Đất công	Đất thu hồi từ dự án	Đất có nguồn gốc nông, lâm trường	Quỹ đất khác	Tổng diện tích có thể bổ trí
1	0	0		0	0	
2						
...						

**Yêu cầu:** Đánh giá khả năng thực tế đưa vào thực hiện chính sách

**PHỤ LỤC SỐ 05**  
**ĐẤT RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP LIÊN QUAN ĐẾN NHU CẦU ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT CỦA ĐỒNG BÀO DTTS**

Đơn vị tính: ha

STT	Thôn /TDP	Diện tích đất rừng liên quan	Số hộ bị ảnh hưởng	Nội dung vướng mắc chủ yếu	Ghi chú
1	0	0	0		
2					
...					